



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh/Phòng Thử Nghiệm: Số 10/46, Đường Lê Quý Đôn, Khu phố 14, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02422/2026/PKQ-THH (26.2583)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2026

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	Giới hạn đầu nối KCN GIANG ĐIỀN
					Giới hạn tiếp nhận nước thải
19	Tổng phenol ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5530.B&C:2023	KPH (MDL=0,001)	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3	10
21	Sunfua (S ²⁻) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500S2- .B&D:2023	0,07	1
22	Florua (F ⁻) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	0,91	15
23	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	4,97	15
24	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000.	6,53	60
25	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008.	1,38	8
26	Clorua (Cl ⁻) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6194:1996.	245	450
27	Clo Du ^(a,b)	mg/L	TCVN 6225-3:2011.	KPH (MDL=0,16)	5
28	Coliform. ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2,4 x 10 ³	-
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(d)	Bq/L	TCVN 6053 : 2011	KPH (MDL=0,02)	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(d)	Bq/L	TCVN 6219 : 2011	KPH (MDL=0,3)	1

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
 - - (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 29,30 do Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú -
 Vimcerts 292 thực hiện;

- Giới hạn đầu nối KCN GIANG ĐIỀN: Tiêu chuẩn xả thải vào hệ thống xử lý tập trung khu công nghiệp
 - KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
 - 260603.NT.024: Tại vị trí đầu vào nhà máy xử lý nước thải tập trung số 2 (X = 1205274; Y = 414777)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/02

Ngày BH/ HL: 16/06/2023

Trang 3/8





CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thuỷ Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh/Phòng Thử Nghiệm: Số 10/46, Đường Lê Quý Đôn, Khu phố 14, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02422/2026/PKQ-THH (26.2583)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 260603.NT.025)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=0,9
1	Nhiệt độ ^(a,b)	°C	SMEWW 2550B:2023	30,8	40
2	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	21,3	50
3	pH ^(b)		TCVN 6492:2011	7,5	6 ÷ 9
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	14	24,3
5	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	36	60,75
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	6	40,5
7	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	0,0405
8	Thủy ngân (Hg) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,00405
9	Chì (Pb) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,012	0,081
10	Cadimi (Cd) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,0405
11	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023	KPH (MDL=0,003)	0,0405
12	Crom III (Cr ³⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023+ SMEWW 3500Cr.B:2023	KPH (MDL=0,003)	0,162
13	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	1,62
14	Kẽm (Zn) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,05 (LOQ=0,05)	2,43
15	Niken (Ni) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,038	0,162
16	Mangan (Mn) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,1 (LOQ=0,1)	0,405
17	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,58	0,81
18	Tổng Xianua (CN-) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6181 : 1996	KPH (MDL=0,002)	0,0567
19	Tổng phenol ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5530.B&C:2023	KPH (MDL=0,001)	0,081



VIMCERTS 076

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
 2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
 4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếm nại kết quả của khách hàng.





CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thuỷ Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh/Phòng Thử Nghiệm: Số 10/46, Đường Lê Quý Đôn, Khu phố 14, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02422/2026/PKQ-THH (26.2583)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2026

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=0,9
20	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,3	4,05
21	Sunfua (S ²⁻) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500S2-.B&D:2023	KPH (MDL=0,015)	0,162
22	Florua (F ⁻) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	0,94	4,05
23	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	0,054	4,05
24	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000.	4,74	16,2
25	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008.	0,18	3,24
26	Clorua (Cl ⁻) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6194:1996.	190	405
27	Clo Du ^(a,b)	mg/L	TCVN 6225-3:2011.	KPH (MDL=0,16)	0,81
28	Coliform. ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	49	3.000
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(d)	Bq/L	TCVN 6053 : 2011	KPH (MDL=0,02)	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(d)	Bq/L	TCVN 6219 : 2011	KPH (MDL=0,3)	1

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts; (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 29,30 do Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú - Vimcerts 292 thực hiện;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A, Kq=0,9 và Kf=0,9: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/ BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A, Kq=0,9 và Kf=0,9: Cơ sở đã đi vào vận hành đã có Giấy phép môi trường số 494/GPMT-BTNMT cấp ngày 17/11/2025 có hiệu lực được tiếp tục áp dụng quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về nước thải công nghiệp cho đến hết ngày 31/12/2031 hoặc khi có giấy phép/ quy định mới.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 260603.NT.025: Tại vị trí đầu ra nhà máy xử lý nước thải tập trung số 2 (X = 1205268; Y = 414753)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếm nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thuỷ Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.
 Chi nhánh/Phòng Thử Nghiệm: Số 10/46, Đường Lê Quý Đôn, Khu phố 14, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02422/2026/PKQ-THH (26.2583)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 260603.KKXQ.003)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018.	65,6	70 ⁽¹⁾
2	Mức gia tốc rung ^(a,b)	mm/s ²	TCVN 6963 : 2001	40,7	70 ⁽²⁾

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimecerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- (2): QCVN 27: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung
- QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27: 2010/BTNMT: Cơ sở đã đi vào vận hành đã có Giấy phép môi trường số 494/GPMT-BTNMT cấp ngày 17/11/2025 được tiếp tục áp dụng quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về tiếng ồn, độ rung cho đến hết ngày 31/12/2026 hoặc khi có giấy phép/ quy định mới
- 260603.KKXQ.003: Nhà đặt máy phát điện dự phòng của nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02 (X = 1205193; Y = 414683)

VIMCERTS 076



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.
 Chi nhánh/Phòng Thử Nghiệm: Số 10/46, Đường Lê Quý Đôn, Khu phố 14, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02422/2026/PKQ-THH (26.2583)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 260603.KKXQ.004)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dB	TCVN 7878-2:2018.	69,2	70 ⁽¹⁾
2	Mức gia tốc rung ^(a,b)	dB	TCVN 6963 : 2001	42	70 ⁽²⁾

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- (2): QCVN 27: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

- QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27: 2010/BTNMT: Cơ sở đã đi vào vận hành đã có Giấy phép môi trường số 494/GPMT-BTNMT cấp ngày 17/11/2025 được tiếp tục áp dụng quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về tiếng ồn, độ rung cho đến hết ngày 31/12/2026 hoặc khi có giấy phép/ quy định mới

- 260603.KKXQ.004: Nhà đặt máy nén khí của nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02 - mô đun 1 (X = 1205196; Y = 414689)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng





TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh/Phòng Thử Nghiệm: Số 10/46, Đường Lê Quý Đôn, Khu phố 14, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02422/2026/PKQ-THH (26.2583)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 260603.KKXQ.005)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dB	TCVN 7878-2:2018.	65,9	70 ⁽¹⁾
2	Mức gia tốc rung ^(a,b)	dB	TCVN 6963 : 2001	39,5	70 ⁽²⁾

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- (2): QCVN 27: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

- QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27: 2010/BTNMT: Cơ sở đã đi vào vận hành đã có Giấy phép môi trường số 494/GPMT-BTNMT cấp ngày 17/11/2025 được tiếp tục áp dụng quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về tiếng ồn, độ rung cho đến hết ngày 31/12/2026 hoặc khi có giấy phép/ quy định mới

- 260603.KKXQ.005: Nhà đặt máy nén khí của nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02 - mô đun 2 (X = 120;187; Y= 414722)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

